ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5589/UBND-KTTH	*Quảng Ngãi, ngày 02 tháng 12 năm 2014*
V/v rà soát việc bố trí KH vốn TPCP giai đoạn 2012-2015, vốn bổ sung giai đoạn 2014-2016 và dự kiến phân bổ KH vốn TPCP năm 2015	

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 8168
Ngày: 02/12/14
Chuyển:

KHẨN

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 8633/BKHĐT-TH ngày 14/11/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát việc bố trí kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2012-2015, bổ sung giai đoạn 2014-2016 và dự kiến phân bổ kế hoạch vốn TPCP năm 2015 và Công điện số 8995/CĐ- BKHĐT ngày 27/11/2014; trong đó, dự kiến vốn TPCP năm 2015 của tỉnh Quảng Ngãi là 409.773 triệu đồng, gồm: bố trí cho các dự án ngành giao thông 400.773 triệu đồng (trong đó thu hồi ứng trước 200.000 triệu đồng) và đối ứng các dự án ODA 9.000 triệu đồng; UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo như sau:

1. Về danh mục các dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn TPCP giai đoạn 2012-2015 và bổ sung vốn TPCP giai đoạn 2014-2016 còn lại hoặc bố trí vượt tổng mức TPCP theo quy định

Kế hoạch vốn TPCP ngành giao thông giai đoạn 2012-2015 là 277.028 triệu đồng, nhu cầu sử dụng đến năm 2015 là 274.470 triệu đồng, còn lại là 2.558 triệu đồng thuộc 03 dự án đường đến trung tâm xã. Đồng thời, dự án Tuyến đường Trà My – Trà Bồng – Dung Quất (đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi) còn 30.000 triệu đồng (thuộc kế hoạch vốn TPCP năm 2014, song dự án này hiện nay đã hoàn thành, quyết toán và đã thanh toán đủ vốn).

Như vậy, tổng vốn TPCP thuộc giai đoạn 2012 – 2015 không còn nhu cầu sử dụng của tỉnh Quảng Ngãi là 32.558 triệu đồng (chi tiết tại Biểu mẫu số 1 kèm theo).

2. Về đề xuất điều chuyển số vốn TPCP không còn nhu cầu sử dụng hoặc bố trí vượt tổng mức TPCP quy định

Dự án Di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong là một dự án thuộc Hợp phần Hồ chứa nước Nước Trong được phê duyệt tại Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 17/02/2009 với tổng mức đầu tư là 372,777 tỷ đồng, với kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2012-2015 là 200 tỷ đồng, dự án đã được bố trí đủ vốn trái phiếu Chính phủ. Tuy nhiên, do tính chất của dự án phức tạp, công tác bồi thường, tái định cư gặp nhiều khó khăn; địa hình, địa chất và thời tiết của địa bàn triển khai dự án phức tạp gây nhiều bất lợi cho việc thực hiện đầu tư xây dựng các Khu tái định cư nên dự án đã không thể triển khai hoàn thành đúng tiến độ được duyệt ban đầu. Đến năm 2012, trên cơ sở thẩm định vốn của Bộ Kế

hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính, dự án đã được điều chỉnh tổng mức đầu tư (tại Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 22/11/2012), với tổng mức đầu tư điều chỉnh là 656.141 triệu đồng, tăng 283.364 triệu đồng so với tổng mức đầu tư ban đầu. Do vậy, nhu cầu vốn đầu tư cần bổ sung để tiếp tục thực hiện hoàn thành dự án là 283.364 triệu đồng (Trung ương chấp thuận hỗ trợ phần điều chỉnh tổng mức đầu tư của dự án bằng nguồn Hỗ trợ có mục tiêu ngân sách Trung ương).

Theo kế hoạch tiến độ, năm 2014 là năm cuối cùng phải hoàn thành toàn bộ dự án Di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong. Trong điều kiện hiện nay, vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách tỉnh còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu đầu tư phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Vì vậy, để tạo điều kiện cho tỉnh hoàn thành và đảm bảo tiến độ thi công giải phóng mặt bằng phục vụ dự án Hồ chứa nước Nước Trong, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư điều chuyển 32.558 triệu đồng (tại phần 1) bố trí cho dự án Di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong.

Đồng thời, đề nghị xem xét, tiếp tục bổ sung phần vốn còn thiếu là 250.806 triệu đồng (283.364 trđ – 32.558 trđ) từ nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu hoặc vốn trái phiếu Chính phủ dự phòng để thực hiện dự án Di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong (chi tiết tại Biểu mẫu số 2 kèm theo).

3. Về dự kiến danh mục và mức vốn TPCP kế hoạch năm 2015

- Đối với ngành giao thông, theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2015 vốn TPCP của tỉnh là 400.773 triệu đồng. Hiện nay, tỉnh Quảng Ngãi còn 02 dự án ngành giao thông có nhu cầu sử dụng vốn TPCP năm 2015, tỉnh đăng ký như sau: 01 dự án hoàn thành là dự án Đường Trà Phong – Trà Xinh (410 triệu đồng, để trả nợ quyết toán) và 01 dự án chuyển tiếp là Dự án Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (giai đoạn 1) (400.363 triệu đồng – trong đó thu hồi ứng trước 200.000 triệu đồng), chi tiết tại Biểu mẫu số 3 kèm theo.

- Đối với vốn TPCP đối ứng các dự án ODA là 9.000 triệu đồng, tỉnh đăng ký sử dụng vốn cho 11 dự án – là những dự án có trong danh mục tỉnh đăng ký sử dụng vốn ODA trong 119.900 triệu đồng thuộc kế hoạch năm 2015 và các dự án này đã có ý kiến thẩm định vốn của Trung ương, chi tiết tại Biểu mẫu số 4 kèm theo.

UBND tỉnh Quảng Ngãi đăng ký và kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, chấp thuận./.

CHỦ TỊCH

Lê Viết Chữ

Nơi nhận **:**
- Như trên (02 bản);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- VPUB: CVP, PCVP, các Phòng N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT.pKTTH(LeSang221).

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHÔNG CÒN NHU CẦU SỬ DỤNG VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2012-2015 VÀ BỔ SUNG VỐN TPCP GIAI ĐOẠN 2014-2016 CÒN LẠI HOẶC BỐ TRÍ VƯỢT TỔNG MỨC TPCP THEO QUY ĐỊNH

(Kèm theo Công văn số 5389/UBND-KTTH ngày 04/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đvt: triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - HT	Quyết định đầu tư quy định tại Nghị quyết 881 hoặc Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh theo quy định tại các Quyết định [illegible] TPCP năm 2012 của TTg							Quyết định đầu tư cập nhật hoặc điều chỉnh theo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ			Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016 được giao				Lũy kế vốn đã bố trí đến KH năm 2014			Số vốn TPCP ứng đến hết năm 2014 chưa thu hồi	Số vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016 còn lại	Số vốn TPCP không còn nhu cầu sử dụng hoặc bố trí vượt tổng mức TPCP theo quy định			Ghi chú
					Số QĐ, ngày tháng năm	TMĐT	Trong đó: TPCP	Số QĐ, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn TPCP				Số QĐ, ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn TPCP	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó: Vốn TPCP				Tổng số	Trong đó		
										Tổng số	Điều chỉnh do tăng giá	Thay đổi giải pháp kỹ thuật	Điều chỉnh tăng quy mô					Giai đoạn 2012-2015		Bổ sung giai đoạn 2014-2016		Tổng số	KH vốn TPCP đã giao các năm 2012,2013, 2014				giai đoạn 2012-2015	giai đoạn 2014-2016	
																		KH vốn TPCP giao ban đầu	KH vốn TPCP điều chỉnh tại 83/QĐ-BKHĐT, 17/01/2014										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	TỔNG CỘNG					842.992	842.992		759.652	759.652	0	0	0	0	0	0	72.920	90.700	72.920	0	69.952	69.952	69.952	0	32.968	32.558	32.558	0	
I	NGÀNH GIAO THÔNG					842.992	842.992		759.652	759.652	0	0	0	0	0	0	72.920	90.700	72.920	0	69.952	69.952	69.952	0	32.968	32.558	32.558	0	
1	**Các dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn trái phiếu chính phủ giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016 còn lại**					**842.992**	**842.992**		**759.652**	**759.652**							**72.920**	**90.700**	**72.920**	**0**	**69.952**	**69.952**	**69.952**	**0**	**32.968**	**32.558**	**32.558**	**0**	
1	Đường Trà Phong - Trà Xinh	Huyện Tây Trà	5,5km	2007-2009	2415/QĐ-UBND, 01/11/2007, 1218/QĐ-UBND, 21/7/2008	29.500	29.500	319/QĐ-UBND, 8/3/2011	29.500	29.500							3.585	3.000	3.585		3.000	3.000	3.000		585	175	175		
2	Đường Sơn Long - Sơn Lập	Huyện Sơn Tây	11,939km	2009-2011	544/QĐ-UBND, 31/3/2009	30.525	30.525										2.310	700	2.310		700	700	700		1.610	1.610	1.610		
3	Đường Trà Phong - Trà Thanh	Huyện Tây Trà	23,31km	2009-2010	547/QĐ-UBND, 31/3/2009	52.815	52.815										27.000	27.000	27.000		26.227	26.227	26.227		773	773	773		
4	Tuyến đường Trà My - Trà Bồng - Dung Quất (Đoạn qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)	Bình Sơn, Trà Bồng	57km	2006-2010	3464/QĐ-UB, 28/12/2006	730.152	730.152	645/QĐ-UBND, 04/5/2010	730.152	730.152							40.025	60.000	40.025		40.025	40.025	40.025		30.000	30.000	30.000		

DỰ KIẾN DANH MỤC BỔ SUNG VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ DỰ SỐ VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2012-2015 VÀ BỔ SUNG GIAI ĐOẠN 2014-2016 KHÔNG CÒN NHU CẦU SỬ DỤNG HOẶC CHƯA GIẢI NGÂN QUA KHỎI TỔNG MỨC TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ THEO QUY ĐỊNH

(Kèm theo Công văn số 5[illegible]/UBND-[illegible] ngày [illegible]/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Nghị quyết 881 hoặc Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh theo quy định tại các Quyết định giao kế hoạch TPCP năm 2012 của TTg						Quyết định đầu tư điều chỉnh cuối cùng được cấp thẩm quyền phê duyệt				Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016 được giao			Lũy kế vốn đã bố trí đến KH năm 2014			Số vốn TPCP ứng trước đến hết năm 2014 chưa bố trí thu hồi	Số vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 và bổ sung giai đoạn 2014-2016 còn lại	Nhu cầu bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ	Dự kiến bổ sung vốn trái phiếu Chính phủ			Ghi chú (3)
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	*Trong đó: TPCP*	Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Trong đó: TPCP				Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	*Trong đó: TPCP*	Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó: TPCP					Tổng số	Trong đó từ nguồn:	
										Tổng số	*Điều chỉnh do tăng giá*	*Thay đổi giải pháp kỹ thuật*	*Điều chỉnh tăng quy mô*					Giai đoạn 2012-2015		Bổ sung giai đoạn 2014-2016		Tổng số	*KH vốn TPCP đã giao các năm 2012, 2013 và 2014*					Vốn TPCP giai đoạn 2012-2015	Vốn TPCP bổ sung giai đoạn 2014-2016	
																		KH vốn TPCP giao ban đầu[1]	KH vốn TPCP điều chỉnh (nếu có)[2]											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
	TỔNG SỐ					372.777	372.777								656.141	656.141	200.000	200.000	200.000	0	203.869	203.869	203.869			283.364	283.364	32.558	250.806	
II	NGÀNH THỦY LỢI																													
	Dự án Di dân, tái định cư Hồ chứa nước Nước Trong	Sơn Hà	7 khu, 3 điểm TDC	2005-2010	270/QĐ-UBND, 17/02/2009	372.777	372.777							1908/QĐ-UBND, 22/11/2012	656.141	656.141	200.000	200.000	200.000		203.869	203.869	203.869			283.364	283.364	32.558	250.806	

Biểu mẫu số 1

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2014 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2015 CÁC DỰ ÁN GIAO THÔNG, THỦY LỢI, Y TẾ, DI DÂN TÁI ĐỊNH CƯ THỦY ĐIỆN SƠN LA

(Kèm theo Công văn số 599/UBND-KTTH ngày 21/02/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư theo quy định tại Nghị quyết 881 hoặc Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư cập nhật hoặc điều chỉnh được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ			Kế hoạch vốn TPCP giai đoạn 2011-2015 đã bố trí đến hết năm 2014				Lũy kế vốn đã bố trí đến KH năm 2014			Ước khối lượng thực hiện từ KC đến 31/12/2014		Dự kiến kế hoạch năm 2015			Ghi chú
					Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	*Trong đó: TPCP*	Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	*Trong đó: TPCP*	Tổng số	Trong đó: Giai đoạn 2011-2015		Bổ sung giai đoạn 2014-2016	Tổng số	Trong đó: TPCP		Tổng số	*Trong đó: TPCP*	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TPCP		
												KH vốn TPCP giao ban đầu[1]	KH vốn TPCP điều chỉnh (nếu có)[2]			Tổng số	*KH vốn TPCP đã giao các năm 2012, 2013 và 2014*				Tổng số	*Dự kiến thu hồi các khoản ứng trước*	
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	18	19	20	21	26	27	28	29	30	31	32	33	34
	TỔNG SỐ								**1.526.500**	**1.479.980**	**1.454.065**	**201.166**	**3.585**	**770.000**	**678.849**	**671.055**	**188.741**	**975.849**	**968.055**	**400.773**	**400.773**	**200.000**	
I	**NGÀNH GIAO THÔNG**					**758.400**	**758.400**	-	**1.526.500**	**1.479.980**	**1.454.065**	**201.166**	**3.585**	**770.000**	**678.849**	**671.055**	**188.741**	**975.849**	**968.055**	**400.773**	**400.773**	**200.000**	
(1)	**Dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2014**					**29.500**	**29.500**		**29.500**	**29.500**	**3.585**	**3.000**	**3.585**	-	**3.000**	**3.000**	**3.000**	-	-	**410**	**410**		
1	Đường Trà Phong - Trà Xinh	Huyện Tây Trà	5,5km	2007-2009	2415/QĐ-UBND, 01/11/2007, 1218/QĐ-UBND, 21/7/2008	29.500	29.500	319/QĐ-UBND, 8/3/2011	29.500	29.500	3.585	3.000	3.585		3.000	3.000	3.000			410	410		
(2)	**Dự án dự kiến hoàn thành năm 2015**					**728.900**	**728.900**		**1.497.000**	**1.450.480**	**1.450.480**	**198.166**	-	**770.000**	**675.849**	**668.055**	**185.741**	**975.849**	**968.055**	**400.363**	**400.363**	**200.000**	
2	Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh giai đoạn 1	Huyện Bình Sơn, TP Quảng Ngãi	29Km	2009-2015	523/QĐ-UBND ngày 14/3/2007; 1878/QĐ-UBND 29/10/2008	728.900	728.900	230/QĐ-UBND 24/2/2014	1.497.000	1.450.480	1.450.480	198.166		770.000	675.849	668.055	185.741	975.849	968.055	400.363	400.363	200.000	

BIỂU SỐ 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ODA ĐỐI ỨNG NGUỒN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2014 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐỐI ỨNG NGUỒN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 2015

(Kèm theo Công văn số 5589 /UBND-KTTH ngày 23/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được TTCP giao KH năm 2012, 2013						Quyết định điều tư điều chỉnh mm thời điểm giao KH năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ					KH năm 2014										Ước giải ngân kế hoạch 2014 từ 1/1/2014 đến 31/1/2015[2]					Lũy kế vốn đã bố trí đến hết KH năm 2014					Dự kiến kế hoạch năm 2015								Ghi chú
					Số quyết định	TMĐT					Số quyết định	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đối ứng				Trong đó: Vốn nước ngoài					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đối ứng								
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đối ứng[1]			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)[1]		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)[1]		Tổng số	NSTW	TCP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	TCP																			
							Tổng số	NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Trong đó NSTW	Tính bằng ngoại tệ	Quy đổi ra tiền Việt																											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46
	TỔNG SỐ					587.337	98.782	49.391	0	488.555	0	994.681	180.664	69.632	0	815.957	129.136	33.917	33.917	0	96.219	125.147	31.428	31.428	0	93.719	125.147	31.428	31.428	0	93.719	179.280	72.421	29.955	0	206.855	138.900	9.000	0	0	9.000	0	0	115.900	
I	NGÀNH NÔNG NGHIỆP					413.594	65.318	32.655	0	348.274	0	712.457	143.178	51.585	0	609.287	87.812	20.812	20.812	0	67.000	77.334	16.834	16.834	0	60.500	77.334	16.834	16.834	0	60.500	177.912	39.812	17.334	0	138.400	71.900	5.900	0	0	5.900	0	0	66.000	
1	*Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015*					*123.984*	*22.554*	*11.277*	*0*	*101.430*		*122.888*	*21.942*	*10.971*		*100.946*	*12.500*	*5.500*	*5.500*	*0*	*7.000*	*24.000*	*3.000*	*3.000*	*0*	*21.000*	*24.000*	*3.000*	*3.000*	*0*	*21.000*	*111.992*	*19.071*	*3.000*	*0*	*92.821*	*3.200*	*2.200*	*0*	*0*	*2.200*	*0*	*0*	*1.000*	
(1)	Thủy điện Nghĩa Lâm nghiệp	Tà Bông, Sơn Tính, Mộ Đức, Ba Tơ	Trồng 30.000ha rừng, đầu tư lấp hoàn	2005-2015	274/QĐ-BNN ngày 07/02/2011; 2274/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/10/2012	123.984	22.554	11.277	-	101.430	1596/QĐ-UBND ngày 16/08/2014	122.888	21.942	10.971	4,83 triệu USD	100.946	12.500	5.500	5.500	-	7.000	24.000	3.000	3.000	-	21.000	24.000	3.000	3.000	-	21.000	111.992	19.071	3.000	-	92.821	3.200	2.200	-	-	2.200	-	-	1.000	
2	*Dành nước dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015*					*289.600*	*42.764*	*21.378*	*0*	*246.844*		*589.569*	*121.220*	*40.614*	*0*	*508.341*	*75.312*	*15.312*	*15.312*	*0*	*60.000*	*53.334*	*13.834*	*13.834*	*0*	*39.500*	*53.334*	*13.834*	*13.834*	*0*	*39.500*	*66.040*	*20.121*	*14.334*	*0*	*45.619*	*68.700*	*3.700*	*0*	*0*	*3.700*	*0*	*0*	*65.000*	
(2)	Chỉnh nghĩa hầu rừng tỉnh vùng Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tơ	Phát triển CSHT sản xuất, điều hòa, Phát triển sinh kế hầu rừng; bảng mơ nâng lực	2014-2018							1134/QĐ-UBND ngày 25/10/2013	337.818	18.477	9.239	-	319.341	12.500	2.500	2.500	-	10.000	4.000	2.500	2.500	-	1.500	4.000	2.500	2.500	-	1.500	5.637	4.137	2.500	-	1.500	24.000	1.000	-	-	1.000	-	-	23.000	
(3)	Phát triển vùng Quảng lý bảo vệ rừng vùng phòng hộ	Ba Tơ, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây	Trồng mới 2.000 ha; Bảo vệ 3.200 ha; Khoanh nuôi 3.300 ha; BS lâm đường	2012-2015	1417/QĐ-UBND ngày 26/09/2012	289.600	42.764	21.378	-	246.844	-	-	-	-	-	-	25.812	5.812	5.812	-	20.000	42.834	4.834	4.834	-	38.000	42.834	4.834	4.834	-	38.000	50.861	6.742	4.834	-	44.119	29.700	1.000	-	-	1.000	-	-	28.700	
(4)	Dự án Quản lý Thiên nhiên	Mộ Đức, Đức Phổ	Do mạng tiền	2012-2017	-							251.751	62.751	31.376	0	189.000	37.000	7.000	7.000	0	30.000	6.500	6.500	6.500	0	0	6.500	6.500	6.500	0	0	9.542	9.542	7.000	0	0	14.200	900	-	0	900	0	0	13.300	
	Trong đó						0										0	0				0	0				0	0				0					0	-							
-	TDA đầu tư xây dựng công trình Đập Đức Lợi	Mộ Đức	Đập đất đồng gồm 12 hạng; 70,3 m đầu, đường đỉnh 200m	2013-2016	-						2133/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	66.619	14.452	7.226		52.167	18.000	4.000	4.000		14.000	4.000	4.000	4.000		-	4.000	4.000	4.000		-	5.132	5.132	4.000	-	-	5.400	400	-	-	400		-	5.000	
-	TDA Cảng neo trú tàu thuyền và sửa hầu bảy à (giai đoạn II)	Đức Phổ	Kè đá thân 560m đã và nhiều hạng mục khác	2013-2017	-						2208/QĐ-UBND ngày 31/12/2013	185.122	48.299	24.150	-	136.823	19.000	3.000	3.000	-	16.000	2.500	2.500	2.500		-	2.500	2.500	2.500	-	-	4.410	4.410	3.000	-	-	8.800	500	-	-	500	-	-	8.300	
II	NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI					42.507	12.907	6.454	0	29.600		57.273	14.373	7.187	0	42.900	16.000	5.000	5.000	0	11.000	20.000	10.000	10.000	0	10.000	20.000	10.000	10.000	0	10.000	34.000	14.000	10.000	0	20.000	24.900	900	0	0	900	0	0	24.000	
1	*Các dự án hoàn thành, bàn giao, đã vào sử dụng trước ngày 31/12/2014*					42.507	12.907	6.454	0	29.600		0	0	0	0	0	10.000	5.000	5.000	0	5.000	15.000	5.000	5.000	0	10.000	15.000	5.000	5.000	0	10.000	29.000	9.000	5.000	0	20.000	5.200	200	0	0	200	0	0	5.000	
(1)	Cầu Đăng Liên - Ba Cung	Ba Tơ	100 m cầu, 512,7 m đường	2013-2014	963/QĐ-UBND ngày 28/6/2012	42.507	12.907	6.454	-	29.600	-	-	-	-		-	10.000	5.000	5.000		5.000	15.000	5.000	5.000		10.000	15.000	5.000	5.000		10.000	29.000	9.000	5.000		20.000	5.200	200			200			5.000	
2	*Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015*					*0*	*0*	*0*	*0*	*0*		*57.273*	*12.773*	*6.387*	*0*	*34.500*	*6.000*	*0*	*0*	*0*	*6.000*	*5.000*	*5.000*	*5.000*	*0*	*0*	*5.000*	*5.000*	*5.000*	*0*	*0*	*5.000*	*5.000*	*5.000*	*0*	*0*	*14.500*	*500*	*0*	*0*	*500*	*0*	*0*	*14.000*	
(1)	Tiếp đường tránh Trung tâm huyện Nghĩa Hành	Nghĩa Hành	5 tiếp cầu, đường dọc	2014-2015	-						1202/QĐ-UBND ngày 27/07/2014	13.500	3.000	1.500		10.500																					7.200	200			200			7.000	
(2)	Đường Tân Hòa - Trung Lễ B - Trên Kà 1	Nghĩa Hành	7.887 m, đường nông đồn	2013-2015	-						1119/QĐ-UBND ngày 28/08/2013	33.773	9.773	4.887		24.000	6.000	0			6.000	5.000	5.000	5.000		-	5.000	5.000	5.000		-	5.000	5.000	5.000		-	7.300	300			300			7.000	
3	*Dành nước dự án khởi công mới năm 2015*					*0*	*0*	*0*	*0*	*0*		*10.000*	*1.600*	*800*	*0*	*8.400*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*5.200*	*200*	*0*	*0*	*200*	*0*	*0*	*5.000*	
(1)	Đường La Hà đi Nghĩa Điền	Tư Nghĩa	1.277m, rộng 7m	2014-2015	-						1409/QĐ-UBND ngày 30/08/2014	10.000	1.600	800		8.400	0	0				0	0				0	0				0					5.200	200			200			5.000	
III	NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO					131.146	20.565	10.283	0	110.581		37.471	3.721	1.861	0	33.750	20.634	2.435	2.435	0	18.219	25.840	2.621	2.621	0	23.219	25.840	2.621	2.621	0	23.219	67.348	18.929	2.621	0	48.419	12.100	200	0	0	200	0	0	11.900	
1	*Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2015*					*131.146*	*20.565*	*10.283*	*0*	*110.581*		*37.471*	*3.721*	*1.861*	*0*	*33.750*	*20.634*	*2.435*	*2.435*	*0*	*18.219*	*25.840*	*2.621*	*2.621*	*0*	*23.219*	*25.840*	*2.621*	*2.621*	*0*	*23.219*	*67.348*	*18.929*	*2.621*	*0*	*48.419*	*12.100*	*200*	*0*	*0*	*200*	*0*	*0*	*11.900*	
(1)	Chương trình đầu tư chất lượng giáo dục trường học (BEQAP)	09 huyện	08 phòng học, đã sinh vệ sinh, 14 sinh đa năng	2010-2015	1080/QĐ-UBND, 1960/2011	38.346	4.565	2.283	-	33.781	3559/QĐ-UBND ngày 24/9/2014	37.471	3.721	1.861	-	33.750	8.634	435	435	-	8.219	8.840	621	621	-	8.219	8.840	621	621	-	8.219	37.148	3.721	621	-	33.419	1.900	-	-	-	-	-	-	1.900	
(100)	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam-Hàn Quốc	TP Quảng Ngãi	1.000-1.200 SV/năm	2005-2014	2024/ QĐ-UBND ngày 14/9/2007	92.800	16.000	8.000	-	76.800	-	-	-	-	-	-	12.000	2.000	2.000	-	10.000	17.000	2.000	2.000	-	15.000	17.000	2.000	2.000	-	15.000	30.200	15.200	2.000	-	15.000	10.200	200	-	-	200	-	-	10.000	
IV	NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					0	0	0	0	0		189.400	59.400	0	0	130.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20.000	2.000	0	0	2.000	0	0	18.000	
1	*Dành nước dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2015*					*0*	*0*	*0*	*0*	*0*		*189.400*	*59.400*	*0*	*0*	*130.000*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*20.000*	*2.000*	*0*	*0*	*2.000*	*0*	*0*	*18.000*	
(1)	Xây dựng hệ thống đê bao A Tinh Kỳ, huyện Sơn Tịnh thuộc Chương trình SP-MTC	Sơn Tịnh	Đê đất 3617m, 10 cống, 4 bơm tiêu động	2013-2016	-						3034/UBND-NNTN ngày 13/9/2013	189.400	59.400			130.000	0	0				0	0				0	0				0					20.000	2.000			2.000			18.000	
V	Dự phòng trả nợ công trình hoàn thành và các dự án chuyển tiếp				-						-						4.678	4.678	4.678			1.973	1.973	1.973			1.973	1.973	1.973			0					0								